

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN “NÓI TIẾNG VIỆT” CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC HUẾ

PHẠM THỊ LIỄU TRANG*

Ngày nhận bài: 15/03/2017; ngày sửa chữa: 22/03/2017; ngày duyệt đăng: 24/03/2017.

Abstract: In the context of growing international relations and cultural exchanges between Vietnam and other countries in the world, teaching and learning Vietnamese as a foreign language has become a real necessity. From that fact, teaching Vietnamese to foreigners is now becoming a popular training field at many universities and colleges across the country, including the Foreign Languages College - Hue University. Of the four main skills of the Vietnamese language program, Listening, Speaking, Reading and Writing, Speaking is a very important skill. The article mentions a number of methods of teaching Advanced Vietnamese Speaking to foreigners (ie those who already have basic knowledge and skills in Vietnamese) at the College of Foreign Languages.

Keywords: Method, Vietnamese, Speaking.

1. Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài (NNN) hiện nay là một mảng đào tạo phổ biến ở nhiều trường đại học (ĐH), cao đẳng trên cả nước, trong đó có Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế. Trong 4 kỹ năng chủ yếu của chương trình học tiếng Việt: *nghe, nói, đọc, viết* thì *nói* là một kỹ năng (KN) hết sức quan trọng. Để đem lại hiệu quả cao cho việc dạy học ngoại ngữ nói chung và học môn *Nói tiếng Việt* nói riêng, giảng viên (GV) cần có các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với đối tượng người học. Nhận định về tầm quan trọng của phương pháp trong việc giảng dạy tiếng Việt cho NNN, GS. Nguyễn Đức Dân (1994) cho rằng: “Hiện nay có khá nhiều người đang thực hành dạy tiếng Việt cho NNN, nhưng chưa quan tâm đúng mức đến vai trò của các phương pháp giảng dạy. Khi dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, để đạt kết quả cao nhất, không thể không có một phương pháp giảng dạy đúng đắn” [1; tr 102].

Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu một số phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy môn *Nói tiếng Việt* nâng cao cho NNN (tức là đối tượng đã có vốn kiến thức và KN tiếng Việt cơ bản) tại Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế.

2. Vận dụng một số phương pháp dạy học môn *Nói tiếng Việt* cho NNN tại Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế

2.1. Phương pháp trực quan. Trong giảng dạy môn *Nói tiếng Việt* cho NNN, việc dùng một “ngôn ngữ thứ ba” hoặc dùng chính tiếng Việt để giải thích về một vấn đề mới sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi GV sử dụng phương pháp trực quan. Trực quan sinh động sẽ huy động được sự tham gia của nhiều giác quan của người học. Phương pháp trực quan giúp cho sinh viên (SV) không chỉ nghe thấy mà còn nhìn thấy. Việc kết hợp nhiều giác quan như vậy trong khi học sẽ giúp SV nhớ lâu hơn, gây hứng thú, phát triển ở SV năng

lực tập trung. Qua đó, phát huy được tính tích cực chủ động học tập cho SV.

Tại Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế hiện nay, tất cả các phòng học đều được trang bị hệ thống máy chiếu và máy tính hiện đại nên việc áp dụng phương pháp trực quan rất thuận tiện. GV có thể chuẩn bị bài giảng điện tử dạng PowerPoint với các hình ảnh tĩnh, động được chụp lại, ghi lại và trình chiếu cho SV theo dõi. Đối với trình độ SV học tiếng Việt nâng cao, GV dùng hình ảnh để mở rộng vốn từ. Không chỉ dừng lại ở việc dạy từ, cụm từ mà GV còn dùng hình ảnh kèm theo chú thích để giới thiệu các vấn đề liên quan đến nội dung bài học và sử dụng hình ảnh để kiểm tra khả năng tiếp thu bài học của SV.

Đối với các giáo trình dạy tiếng Việt cho NNN hiện nay, đa số nội dung các bài học gắn với nội dung về văn hóa, du lịch, giới thiệu các phong tục tập quán, ẩm thực địa phương... Vì vậy, việc dạy và học trực quan sinh động sẽ giúp SV dễ dàng tiếp nhận những kiến thức mới hơn. Ví dụ: trong bài dạy nói về phong tục hôn nhân, GV có thể trình chiếu video về lễ cưới truyền thống và lễ cưới hiện đại hoặc hình ảnh trang phục cưới của người Việt Nam và trang phục cưới của đất nước các SV sinh sống. Như vậy, SV sẽ có được sự thích thú khi theo dõi và kích thích sự sáng tạo để trình bày các suy nghĩ của mình hơn là việc chỉ nghe GV giảng bài mà không có minh họa. Bên cạnh việc sử dụng máy chiếu để trình chiếu các hình ảnh tĩnh, động thì GV còn có thể sử dụng các dạng tài liệu trực quan thông dụng khác để học tiếng như: các sơ đồ, biểu bảng, mô hình minh họa, mẫu vật thật... Ví dụ: trong bài dạy nói về trang phục truyền thống, GV có thể mặc áo dài, mang theo nón lá đến lớp để minh họa cho trang phục truyền thống của phụ nữ

* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế

Việt Nam hay trong bài dạy về ẩm thực, GV có thể mang đến lớp một món ăn đặc sản của Huế như kẹo, mè xừng, việc này sẽ khiến SV thấy thích thú hơn và kích thích sự sáng tạo, cảm hứng khi nêu lên các suy nghĩ, trình bày các luận điểm trong bài nói của mình.

Việc áp dụng phương pháp trực quan vào dạy học *Nói tiếng Việt* cho NNN sẽ đem lại nhiều hiệu quả tích cực. Phương pháp này đòi hỏi GV phải có sự đầu tư, chuẩn bị về nội dung thật kĩ càng và chu đáo. Tuy nhiên, người dạy không nên lạm dụng quá nhiều đồ dùng trực quan vì nó sẽ gây rối và phân tán sự chú ý của SV trong việc tiếp thu các kiến thức mới.

2.2. Phương pháp dạy nói theo chủ đề. Học ngoại ngữ theo chủ đề là một cách thức được đánh giá có hiệu quả cao. Trong dạy *Nói tiếng Việt*, phương pháp dạy nói theo chủ đề cũng là một phương pháp đem lại nhiều kết quả tích cực. Đối với phương pháp này, quy trình sẽ bắt đầu bằng việc GV sẽ giới thiệu chủ đề đến SV. Chủ đề có thể được giới thiệu qua một bài luận với các luận điểm liên quan hoặc một vài đoạn hội thoại. GV giải thích cho SV các từ vựng liên quan đến chủ đề.

Bên cạnh đó, GV lồng ghép các cấu trúc ngữ pháp khi giảng dạy. SV sau khi học sẽ được GV yêu cầu nói lên quan điểm của mình về một vấn đề liên quan đến chủ đề, sử dụng những từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp vừa được học. GV đặt các câu hỏi và yêu cầu SV trả lời. Việc sử dụng phương pháp dạy nói theo chủ đề sẽ giúp SV hệ thống hóa được những kiến thức được học một cách logic hơn. Các chủ đề được dạy từ đơn giản đến phức tạp như: giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích, giải trí, giao thông, giáo dục, lễ hội... Với cách học này, khi nhắc đến một chủ đề cụ thể sẽ gợi cho SV liên tưởng đến các từ vựng liên quan đến chủ đề và các cấu trúc ngữ pháp để trình bày về chủ đề đó. Thông qua việc phân loại từ vựng theo chủ đề, việc học từ vựng của SV nhanh và đỡ nhàm chán hơn, SV sẽ dễ dàng liên tưởng và ghi nhớ tốt hơn. Ví dụ khi nói về chủ đề "Hôn nhân gia đình", SV sẽ được học các từ liên quan như: đính hôn, đám cưới, li hôn, độc thân, trăng mật, thiệp mời... GV nên chọn những chủ đề gần gũi với cuộc sống thường nhật, những chủ đề văn hóa, xã hội mang tính chất thời sự liên quan đến giới trẻ để kích thích sự hứng thú học tập của SV. Bên cạnh đó, GV cũng cần tránh những vấn đề nhạy cảm liên quan đến tình hình chính trị của các quốc gia của những SV đang theo học.

2.3. Phương pháp đóng kịch trong giảng dạy môn *Nói tiếng Việt* là phương pháp GV tổ chức cho SV chia thành các nhóm, giao tình huống, phân vai và yêu cầu các nhóm thực hành xử lý tình huống bằng cách diễn kịch. Các nhóm có thời gian để chuẩn bị phần diễn của

mình. Trong quá trình các nhóm diễn theo sự chuẩn bị sẵn, GV có thể đưa ra thêm vài câu hỏi theo hướng gợi mở cho SV có sự sáng tạo hơn trong cách xử lý. Ví dụ trong bài học nói về giá cả, GV sẽ đưa ra tình huống khách hàng đến ăn uống tại nhà hàng, cho SV đóng vai người bán hàng và người mua hàng rồi thực hành những mẫu câu liên quan đến hỏi đáp giá cả. pháp này sẽ giúp SV rèn luyện được KN ứng xử, tự tin hơn trong giao tiếp tiếng Việt. GV nên để các tình huống "mở", không cho sẵn lời thoại hay kịch bản mà để cho SV tự sáng tạo xử lý tình huống đó. Cấu tạo nội dung tình huống cần gần gũi với tình huống giao tiếp thật trong đời sống. Những tình huống như vậy trong giờ học sẽ giúp người học tiếp thu bài nhẹ nhàng, thoải mái, giúp họ có thể sử dụng ngay cách nói trong giờ học vào thực tế. Sau khi các nhóm diễn xong, GV đưa ra nhận xét về cách xử lý tình huống, âm điệu, cử chỉ, cách dùng từ ngữ trong từng ngữ cảnh... và rút ra những bài học kinh nghiệm để SV có KN nói tốt hơn.

2.4. Phương pháp thảo luận nhóm đã được sử dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả ở nhiều cấp học, nhiều môn học. Việc học tập kết hợp thông qua làm việc trong nhóm, người học sẽ phát triển được các KN xã hội như hợp tác, lắng nghe, diễn đạt ý tưởng... và đặc biệt là KN tự học, tự nghiên cứu. Nếu chỉ đơn giản là lắng nghe GV nói và nói lại một điều gì đó thì SV khó có thể nhớ lâu và tái hiện lại thông tin khi cần thiết so với việc được học tập bằng cách tham gia vào việc phân tích, giải thích hay đặt câu hỏi về vấn đề đang học. Vì vậy, phương pháp thảo luận có tác dụng rất lớn trong dạy học và có thể áp dụng cho mọi đối tượng người học.

Thảo luận nhóm là hình thức trao đổi ý kiến với người khác về một vấn đề nhằm phát hiện ra mọi khía cạnh của vấn đề với mục đích cuối cùng là cả nhóm đạt được một cách hiểu thống nhất về vấn đề đó. Trong dạy học *Nói tiếng Việt*, thảo luận nhóm sẽ giúp SV phát triển khả năng nói bằng hình thức nêu ý tưởng, truyền đạt ý tưởng và tự tin trình bày quan điểm của mình... GV sẽ chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, đưa ra câu hỏi, đề tài thảo luận cùng một số mẫu cấu trúc ngữ pháp. SV thảo luận theo các nhóm, sử dụng các mẫu câu đã được GV nêu ra và cử đại diện nhóm để trình bày quan điểm của cả nhóm về đề tài thảo luận. GV và các nhóm khác đặt câu hỏi liên quan đến các luận điểm mà nhóm thuyết trình đã nêu. Bên cạnh đó, vì là môn học nói nên GV sẽ đưa ra những nhận xét về giọng nói, âm điệu, cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu của SV trình bày và yêu cầu SV rút kinh nghiệm. GV nên kích thích sự tự tin tham gia thảo luận và trao đổi của tất cả các thành viên trong các nhóm.

(Xem tiếp trang 58)

nghệ thuật lãnh mạnh - văn minh hướng tới đạt thành tích cao trong hội thao SV các cấp.

- *Nội dung*: Thành lập Ban chủ nhiệm câu lạc bộ, giao cho Đoàn Thanh niên, Hội SV trường phụ trách; xây dựng nội dung, quy chế, chương trình hoạt động của các câu lạc bộ phù hợp thời gian, điều kiện thực tiễn và sở thích của SV; làm tốt công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc tham gia các câu lạc bộ đối với việc rèn luyện thể chất nói chung và nâng cao chất lượng học các môn *GĐTC*.

- *Các đơn vị phối hợp thực hiện*: Đoàn Thanh niên, Phòng Công tác SV và các phòng, khoa chuyên môn trong nhà trường.

- *Hình thức tổ chức tập luyện*: 3 buổi/tuần, thời gian tập khoảng 60-90 phút, có giảng viên phụ trách chuyên môn và cán bộ đoàn thể quản lý.

3. Kết luận

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến HTHT môn *GĐTC* của SV Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, trong đó các nguyên nhân ảnh hưởng nhiều là nguyên nhân liên quan đến bản thân môn học, bản thân SV cũng như phương pháp truyền đạt của giảng viên. Trên cơ sở kết quả khảo sát thực trạng HTHT môn *GĐTC* của SV Trường Đại học

Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, chúng tôi đã đề xuất các nhóm giải pháp nâng cao HTHT môn *GĐTC* cho SV nhà trường bằng cách tác động vào tất cả các mặt biểu hiện một cách đồng bộ. Sự thay đổi xúc cảm tích cực hơn sẽ khiến người học có nhu cầu được nhận thức đúng đắn. Sự dung hòa tình cảm và lí trí sẽ điều khiển hành vi học tập. Tổng hòa những điều nói trên sẽ mang lại kết quả học tập tốt hơn cho SV ở môn *GĐTC* nói riêng và các môn khác nói chung. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2001). *Tuyển tập nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất, sức khỏe trong trường học các cấp*. NXB Thể dục Thể thao.
- [2] Nguyễn Văn Lữ - Lê Quang Sơn (2009). *Từ điển Tâm lí học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Vương Huy Thọ (2014). *Con đường phát triển hứng thú học tập cho học sinh qua dạy học*. Tạp chí Giáo dục, số 346, tr 21-23.
- [4] Nguyễn Quang Uẩn (2007). *Tâm lí học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Huệ (2013). *Biểu hiện hứng thú học tập của học sinh trung học cơ sở*. Tạp chí Tâm lí học, số 5, tr 23-31.

Một số phương pháp dạy học...

(Tiếp theo trang 50)

2.5. Phương pháp giao tiếp thực tế Mục đích cao nhất của việc dạy tiếng là dùng ngôn ngữ để tư duy và giao tiếp. Bởi vậy, hướng tới giao tiếp và thực hành giao tiếp thì việc dạy học tiếng mới đạt kết quả cao. Hơn thế nữa, giao tiếp còn giúp quá trình dạy học tiếng bớt sự nhàm chán và trở nên hấp dẫn, hứng thú với người học. Đối với việc học *Nói tiếng Việt* cũng vậy, giao tiếp sẽ giúp SV phát triển tư duy ngôn ngữ và vận dụng được những kiến thức, KN đã học vào thực tế. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc thực hành ở lớp học, trường học thì chưa đủ mà cần phải có sự giao tiếp thực tế trong nhiều môi trường khác nhau để trau dồi khả năng nói và ứng biến với nhiều tình huống. Chính vì vậy, GV nên dành từ một đến hai buổi dẫn các SV nước ngoài đi giao tiếp thực tế ở các địa điểm như: quán cà phê, chợ, địa danh văn hóa lịch sử... để thực hành nói và xử lý các tình huống trực tiếp với người địa phương. Phương pháp này sẽ tạo cho SV hứng thú khi vừa được học tập lại vừa được khám phá nhiều địa điểm thú vị.

Các SV đến học tiếng Việt tại Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế thường được GV dạy bằng phương ngữ miền Bắc bởi đây là phương ngữ các em đã quen thuộc khi được học tiếng Việt trước khi sang Việt Nam du học. Với đặc trưng vùng miền, tiếng Huế khi nói sẽ khiến cho NNN khó nghe,

khó hiểu được. Bởi vậy, việc đi thực tế sẽ giúp SV có khả năng giao tiếp với người địa phương, rèn luyện KN nghe và nói tiếng Việt được tốt hơn.

Trên thực tế, không có một phương pháp dạy học nào quá ưu việt để có thể hoàn toàn thích hợp với tất cả mục tiêu, nội dung dạy học. Mỗi phương pháp và hình thức dạy học đều có những ưu thế, hạn chế và giới hạn sử dụng riêng của nó. Bởi vậy, người dạy cần biết phối hợp đa dạng các phương pháp và hình thức dạy học một cách phù hợp trong toàn bộ quá trình dạy để phát huy tính tích cực và nâng cao chất lượng giảng dạy. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đức Dân (1994). *Tiếng Việt hội thoại*. NXB Samji book.
- [2] Đặng Thành Hưng (2002). *Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức (1995). *Lí luận dạy học đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Trần Thị Lan (2005). *Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo phương pháp giao tiếp*. Kỉ yếu Ngũ học trẻ; tr 92-97.
- [5] Nguyễn Văn Hộ (2002). *Lí luận dạy học*. NXB Giáo dục.
- [6] Nguyễn Kỳ (1995). *Phương pháp giáo dục tích cực*. NXB Giáo dục.